

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm

Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 17/2026/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn D, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038184xxxxxx

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn D, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038072xxxxxx

Tại phiên toà vắng mặt bà G, ông Q (bà G có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

-Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 18/02/2009. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận

với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q không quan tâm đến gia đình, thường xuyên uống rượu, mắng chửi, xúc phạm bà G. Vì con nên bà G đã cố gắng chịu đựng nhưng ông Q vẫn không thay đổi tính nết. Nay bà G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn Q có 02 con chung tên là Nguyễn Văn C (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/01/2010 và Nguyễn Thị H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/3/2015. Khi ly hôn bà G đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu C. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản và công nợ: bà Nguyễn Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 21/01/2026 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Q và bà Nguyễn Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 18/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Nay bà G khởi kiện xin ly hôn, ông Q xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông vẫn thương yêu bà G nên đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị G có 02 con chung tên là Nguyễn Văn C (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/01/2010 và Nguyễn Thị H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/3/2015. Trường hợp bà G vẫn nhất quyết ly hôn, ông Q đề nghị giao cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu C. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/12/2025, chính quyền địa phương xã T, tỉnh Thanh Hóa nơi bà G, ông Q có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1984 và ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1972 đều có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Có đăng ký kết hôn vào ngày 18/02/2009 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa). Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng bà G, ông Q là gì. Về con chung: Vợ chồng ông Q, bà G có 02 con chung tên là Nguyễn Văn C (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/01/2010 và Nguyễn Thị H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/3/2015. Hiện nay các cháu đang ở cùng bà G và ông Q tại xã T. Về điều kiện kinh tế: Bà G làm tại hội người mù xã K, tỉnh Thanh Hóa, ông Q làm nghề tự do gần nhà. Thu nhập của bà G, ông Q như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương bà G, ông Q có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa bà G vắng mặt, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị G, xử cho bà G được ly hôn ông Nguyễn Văn Q.

Giao con chung là Nguyễn Văn C (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/01/2010 cho ông Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác; giao con chung là Nguyễn Thị H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/3/2015 cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

-Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà G thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí. Vì vậy, miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị G có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Nguyễn Văn Q có hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà G, ông Q không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q không có mặt theo quyết định của Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà G, ông Q là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 18/02/2009. Xác định quan hệ hôn nhân

giữa bà G và ông Q là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ năm 2018 khi ông Q thường xuyên uống rượu, mắng chửi xúc phạm bà G. Bà G xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Q không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn ông Q. Quá trình giải quyết vụ án ông Q đã nhận được các quyết định của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, điều đó thể hiện ông Q bỏ mặc không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn Q đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị G được ly hôn ông Nguyễn Văn Q là phù hợp.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn Q có 02 con chung tên là Nguyễn Văn C (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/01/2010 và Nguyễn Thị H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 15/3/2015. Khi ly hôn bà G đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu C. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Nếu phải ly hôn ông Q cũng đồng ý với yêu cầu của bà G. Cháu C có nguyện vọng được ở với bố, cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng của bà G, ông Q và các con là hoàn toàn chính đáng. Xét điều kiện, hoàn cảnh và đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, phát triển về thể lực, trí lực cho các con cũng như san sẻ bớt gánh nặng cho nhau. Do đó, giao cháu Nguyễn Thị H cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn C cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ.

Bà G, ông Q được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và công nợ: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà G thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí. Vì vậy, miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho bà G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273

của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị G được ly hôn ông Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Thị H - sinh ngày 15/3/2015 (giới tính: Nữ) cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Văn C - sinh ngày 10/01/2010 (giới tính: Nam) cho ông Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

2.3. Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn Q được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị G. Ông Nguyễn Văn Q không phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn Q. Bà G, ông Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Thạch Bình;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Giang